

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC PHỤ NỮ VIỆT NAM Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG KẾT HÔN VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HIỆN NAY

TS. HÀ THỊ THÙY DƯƠNG ^(*)

Tóm tắt: Phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài đang là vấn đề cần lưu tâm đối với chính quyền các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Bài viết phân tích những vấn đề đặt ra đối với phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài và một số định hướng khắc phục.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long; kết hôn với người nước ngoài; phụ nữ

1. Tình hình phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có số lượng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài nhiều nhất ở Việt Nam hiện nay. Trong 10 năm (từ 2008 đến năm 2018), khu vực này có khoảng 70 nghìn phụ nữ lấy chồng nước ngoài⁽¹⁾. Trung bình mỗi năm, có khoảng 7 nghìn phụ nữ ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài, trong khi trung bình mỗi năm cả nước có khoảng 18 nghìn công dân kết hôn với người nước ngoài (trong đó, 72% là nữ⁽²⁾, tương đương với 12.960 phụ nữ). Qua đó, có thể thấy, số lượng phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài chiếm 54% số phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và tiếp tục gia tăng (xem Bảng 1).

Phụ nữ Việt Nam chủ yếu kết hôn với người Hàn Quốc và Đài Loan. Những năm gần đây, số lượng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Đài Loan đang có xu hướng giảm về mặt tỷ trọng, nhưng vẫn cao so với tổng số phụ nữ kết hôn với người nước ngoài (xem Bảng 2). Ngược lại, số lượng phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Hàn Quốc trong những năm gần đây đang tăng cả về mặt số lượng tuyệt đối cũng như tương đối (xem Bảng 3).

Xu hướng các cặp vợ chồng có vợ người Việt, chồng là người nước ngoài ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thực hiện việc ghi chú kết hôn (kết hôn ở nước ngoài và ghi chú vào sổ hộ tịch ở Việt Nam) ngày càng gia tăng. Điều này là do điều kiện đăng ký kết hôn ở nước ta khá chặt chẽ. Khi đăng ký kết hôn ở Việt Nam, cả cô dâu và chú rể ngoại quốc đều phải thỏa mãn những điều kiện theo pháp luật Việt Nam. Trong khi đó, đăng ký kết hôn ở nước ngoài đơn giản hơn ở Việt Nam và cho phép cô dâu vắng mặt, nên họ thường đăng ký ở nước ngoài, sau

^(*)Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bảng 1: Số lượng phụ nữ đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Đơn vị tính: người

Tỉnh	2015	2016	2017	2018	2019
An Giang	204	326	364	472	494
Bến Tre	67	153	174	185	263
Vĩnh Long	419	464	474	568	617
Kiên Giang	162	327	363	384	714
Trà Vinh	419	464	474	568	617
Hậu Giang	357	445	543	618	840
Cần Thơ	538	805	1.129	1.120	1.724
Tiền Giang	345	355	359	384	379

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ báo cáo của Sở Tư pháp các tỉnh

Bảng 2: Phụ nữ Việt Nam ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan

Tỉnh	2016		2017		2018		2019	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiên Giang	129	39,4	125	34,4	126	32,8	173	24,2
Hậu Giang	367	82,4	298	54,9	365	59	436	51,9
An Giang	143	43,9	163	44,8	200	42,4	163	33
Bến Tre	43	28,1	52	29,9	50	27	48	18,3

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ báo cáo của Sở Tư pháp các tỉnh

Bảng 3: Phụ nữ Việt Nam ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Hàn Quốc

Tỉnh	2016		2017		2018		2019	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bến Tre	13	8,5	11	6,3	23	12,4	27	10,3
An Giang	35	10,7	60	16,4	106	22,4	115	23,3
Kiên Giang	45	13,8	74	20,4	101	26,3	249	34,9
Hậu Giang	51	11,5	160	29,4	146	23,6	245	29,2

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ báo cáo của Sở Tư pháp các tỉnh

đó mới ghi chú hôn nhân ở Việt Nam và làm các thủ tục pháp lý để cô dâu sang nước đó sinh sống. Chính điều này đã khiến một số phụ nữ Việt Nam gặp phải trường hợp người chồng thật sự làm thủ tục đăng ký kết hôn ở nước ngoài khác với người đã xem mặt và đồng ý kết hôn.

Việc ghi chú kết hôn ở Hàn Quốc chiếm tỷ lệ lớn, do điều kiện để kết hôn ở Hàn Quốc dễ dàng hơn rất nhiều so với Việt Nam. Ví dụ, năm 2015 ở Kiên Giang ghi chú kết hôn là 277 trường hợp, trong đó riêng đăng ký kết hôn ở Hàn Quốc, sau đó ghi chú ở Việt Nam là 274 trường hợp (chiếm 99% trường hợp ghi chú kết hôn). Phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài thường trong độ tuổi từ 18 - 25 tuổi. Theo số liệu khảo sát 200 người dân ở đồng bằng sông Cửu Long về độ tuổi kết hôn với người nước ngoài của phụ nữ Việt Nam ở đây thì độ tuổi được lựa chọn nhiều nhất là từ 18 - 21 tuổi và từ 21 - 25 tuổi (xem Bảng 4). Đáng chú ý, có những trường hợp kết hôn với người nước ngoài khi chưa đủ 18 tuổi (pháp luật của một số nước cho phép phụ nữ kết hôn ở tuổi 16). Những cuộc hôn nhân của phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài thường có sự chênh lệch tuổi tác khá lớn. Thống kê cho thấy, đàn ông Hàn Quốc kết hôn với các cô dâu nước ngoài thường lớn hơn trên 10 tuổi. Nhiều đàn ông Hàn Quốc lấy vợ là người nước ngoài ở độ tuổi 45 trở lên

Bảng 4: Độ tuổi kết hôn của phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài

Độ tuổi	Tỷ lệ lựa chọn (%)
Từ 18 - 21 tuổi	68,9
Từ 21 - 25 tuổi	46,6
Từ 25 - 30 tuổi	12,6
Dưới 18 tuổi	5,8
Trên 18 tuổi	2,9

Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát từ đề tài cấp cơ sở: “Phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và vấn đề đặt ra”, do TS. Hà Thị Thùy Dương làm chủ nhiệm, năm 2020

trong khi tuổi trung bình của vợ là 20. Trong khi đó, sự khác biệt độ tuổi trung bình giữa các cặp vợ chồng người Hàn Quốc chỉ là 03 - 05 tuổi (26%) hoặc 01 - 02 tuổi (25%)⁽²⁾. Cá biệt, có những trường hợp chồng là người nước ngoài hơn vợ tới 30-40 tuổi.

Trước đây, việc phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài thường qua các hoạt động môi giới bất hợp pháp ở Việt Nam, có sự liên kết với các nhóm môi giới ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều phụ nữ Việt Nam kết hôn thông qua giới thiệu của anh em, họ hàng, bạn bè là những người phụ nữ đang sinh sống ở các nước khác (xem Bảng 5).

Bảng 5: Tỷ lệ lựa chọn các hình thức quen biết giữa phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài

Đơn vị tính: %

Hình thức quen biết	Tỷ lệ lựa chọn
Thông qua phụ nữ đã kết hôn ở nước ngoài	56,3
Thông qua các tổ chức cá nhân môi giới bất hợp pháp	50,5
Thông qua giới thiệu của họ hàng, người quen	43,7
Tự quen biết nhau trong các cơ sở sản xuất kinh doanh	4,9
Tự quen biết nhau trong quá trình một trong hai người đi du lịch	2,9

Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát từ đề tài cấp cơ sở: “Phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và vấn đề đặt ra”, do TS. Hà Thị Thùy Dương làm chủ nhiệm, năm 2020

2. Một số vấn đề đặt ra trong việc phụ nữ Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài hiện nay

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa năng lực, trình độ, kiến thức, áp lực của những phụ nữ ở Đồng bằng sông Cửu Long lấy chồng người nước ngoài với những yêu cầu, đòi hỏi rất cao để đảm bảo gia đình hạnh phúc, nâng cao vị thế của bản thân trong gia đình và xã hội

Mục tiêu chân chính mà người phụ nữ hướng tới là có gia đình hạnh phúc. Để đạt được điều đó, phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài phải cố gắng gấp hai, gấp ba lần so với những phụ nữ Việt Nam kết hôn với chồng là người Việt Nam. Ở Việt Nam, những người phụ nữ khi về nhà chồng phải thích ứng với gia phong, nề nếp, cách ứng xử, sinh hoạt, ăn uống của nhà chồng, có chung một phong văn hóa, ngay kể cả khi đó là ở những vùng miền khác nhau. Trong khi đó, những phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài lại phải thích ứng không chỉ với văn hóa của nhà chồng, mà cả một nền văn hóa mới. Ví dụ, những cô gái Việt Nam khi lấy chồng Hàn Quốc phải tập ăn cay, tập nấu những món ăn của người Hàn Quốc mà họ chưa bao giờ ăn. Đa số những gia đình ở nông thôn Hàn Quốc, Đài Loan đều gia trưởng, mang nặng tư tưởng phong kiến với nhiều đòi hỏi khắt khe về con dâu, người vợ mà họ phải thích ứng.

Mỗi quốc gia đều có những phong tục, tập quán truyền thống riêng mà phụ nữ Việt Nam không chỉ phải học tập, hiểu biết, mà còn phải thích ứng. Phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long khi kết hôn với người nước ngoài còn phải học ngôn ngữ của đất nước mà họ đến sinh sống. Thông thạo ngôn ngữ mới có thể giao tiếp trong gia đình, chia sẻ mọi việc, suy nghĩ với các thành viên trong gia đình. Họ phải làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, sinh và nuôi dạy con. Một số phụ nữ chưa sinh được con hoặc sinh con gái thì vẫn chưa được gia đình nhà chồng tin tưởng. Đa phần phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài thường phải sống chung với cha mẹ chồng, phải làm trách nhiệm của người con, chăm sóc cha mẹ. Chỉ khi thực hiện được tất cả trách nhiệm thì họ mới có thể được chồng và gia đình chồng tin tưởng, yêu thương, mới có cơ sở để có cuộc sống hạnh phúc.

Bên cạnh đó, trong quan niệm của chồng và gia đình chồng thì phụ nữ Việt Nam kết

hôn vì mục đích kinh tế. Vì vậy, để thay đổi những định kiến đó, thật sự lấy được tình cảm, sự tin tưởng của chồng và gia đình chồng, với mong muốn có một gia đình hạnh phúc, gắn bó lâu dài cũng là khó khăn, thử thách rất lớn đối với phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài. Những người phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài còn phải đối mặt với việc phải giúp đỡ gia đình cha mẹ đẻ. Đa phần họ xuất thân trong những gia đình khó khăn, cần có sự hỗ trợ về vật chất. Bên cạnh đó, để kết hôn với người nước ngoài, gia đình đã tốn một khoản chi phí nhất định. Trách nhiệm của người vợ, người mẹ, người con trong gia đình có chồng ngoại quốc đã là rất lớn, họ lại phải gánh thêm trách nhiệm đối với gia đình bố mẹ đẻ. Giải quyết hài hòa trách nhiệm đối với hai bên không hề dễ dàng đối với họ. Để làm tròn trách nhiệm với gia đình hiện tại, nhất là khi có con nhỏ và cha mẹ già thì họ không còn thời gian đi làm để có thêm thu nhập phụ giúp cho gia đình bố mẹ đẻ. Đa số chồng và gia đình chồng mà họ kết hôn thường không giàu có, đồng thời quan niệm lấy chồng phải lo cho gia đình chồng cũng khiến việc phụ giúp bố mẹ đẻ trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Để khẳng định được vị thế của người vợ, người con dâu ngoại quốc trong gia đình đã khó, thì việc khẳng định được vị thế trong xã hội và cộng đồng lại càng khó khăn hơn rất nhiều. Mặc dù, các quốc gia này không cấm đàn ông lấy vợ ngoại quốc, thậm chí có chính sách cởi mở, song, định kiến của xã hội, người dân về những cô dâu ngoại quốc vẫn còn rất lớn. Để khẳng định được vị thế trong cộng đồng và xã hội, những phụ nữ này phải chứng tỏ bản thân có đủ năng lực như các công dân khác của đất nước đó: sử dụng thành thạo ngôn ngữ, biết lái xe, hiểu biết về phong tục tập quán, luật pháp.

Nói chung, để có một gia đình hạnh phúc, khẳng định được vị thế trong gia đình và xã hội của người chồng ngoại quốc, những người phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông

Cửu Long phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Để vượt qua những thách thức đó thì họ phải nỗ lực cố gắng, phải học tập, thích ứng rất nhiều. Tuy nhiên, điều này lại mâu thuẫn với năng lực, trình độ, kiến thức của những phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đa số họ chỉ tốt nghiệp phổ thông, hạn chế về kiến thức, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, văn hóa, phong tục, luật pháp của quốc gia khác, cũng chưa qua trường lớp đào tạo dành cho những cô dâu ngoại quốc... Đây là một vấn đề đang đặt ra trong việc phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài cần được quan tâm giải quyết.

Thứ hai, mâu thuẫn về điều kiện, hoàn cảnh của người vợ, người chồng trong những cuộc hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài với yêu cầu của các cuộc hôn nhân này

Những cuộc hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài cũng phải thực hiện đầy đủ các chức năng của gia đình (kinh tế, sinh đẻ, nuôi dưỡng và giáo dục, đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý). Trong khi đó, những phụ nữ Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài thường có trình độ học vấn thấp, vốn hiểu biết xã hội ít, công việc và thu nhập bấp bênh. Đa số những người chồng ngoại quốc có trình độ và thu nhập thấp so với mặt bằng chung ở đất nước họ đang sinh sống, nên khó có khả năng lấy vợ ở trong nước, từ đó họ mới tìm vợ là người nước ngoài, trong đó có phụ nữ Việt Nam. Vì vậy, việc thực hiện tốt các chức năng của gia đình theo yêu cầu và đòi hỏi của xã hội là rất khó khăn, ở cả chức năng kinh tế cũng như các chức năng khác.

Trong những gia đình đa văn hóa như vậy, việc thực hiện chức năng nuôi dưỡng và giáo dục, đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý cho các thành viên trong gia đình cũng gặp nhiều khó khăn. Nếu giáo dục con cái theo văn hóa quốc gia của người chồng thì vai trò của phụ nữ Việt Nam ít được phát huy. Sự khác biệt về

ngôn ngữ, văn hóa cũng rất khó để có thể hòa hợp, hiểu nhau và đáp ứng được những mong muốn, nhu cầu của nhau. Đây cũng là một vấn đề đang đặt ra, đòi hỏi phải quan tâm giải quyết. Cách duy nhất để giải quyết mâu thuẫn này chính là nâng cao năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của cả vợ và chồng trong những gia đình đa văn hóa này.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa yêu cầu lành mạnh hóa quan hệ hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài với những điều kiện khách quan đang tác động, dẫn tới các biểu hiện tiêu cực của những cuộc hôn nhân này

Đảng và Nhà nước không cấm phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, nhưng hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài phải đáp ứng các tiêu chí của hôn nhân ở Việt Nam. Cụ thể, là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Tuy nhiên, hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài thường chứa đựng nhiều biểu hiện tiêu cực hơn những cuộc hôn nhân của các cặp vợ chồng có cùng quốc tịch. Một số phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long coi việc kết hôn với người nước ngoài là cơ hội để cải thiện đời sống kinh tế của bản thân và gia đình mình. Bởi vì, nếu đi xuất khẩu lao động sang các nước phát triển thì cũng phải tốn phí trong khi thời gian làm việc có hạn, thậm chí còn phải đối mặt với nguy cơ bị lừa tiền nhưng lại không được đi. Trong khi đó, kết hôn với người nước ngoài khi thỏa mãn các điều kiện ở quốc gia đó sẽ được nhập quốc tịch, sẽ được làm việc vô thời hạn với đồng lương cao hơn so với ở Việt Nam. Đồng thời, nếu may mắn được chồng yêu thương sẽ có gia đình hạnh phúc, định cư lâu dài ở nước ngoài. Vì vậy, nhiều người phụ nữ coi việc kết hôn với người nước ngoài như một biện pháp để thay đổi cuộc sống chứ không xuất phát từ tình yêu.

Một số quốc gia có thu nhập cao và nền kinh tế phát triển hơn Việt Nam, do đặc điểm nội tại của các quốc gia đó (mất cân bằng

giới tính, nữ ít hơn nam và không muốn kết hôn...), dẫn tới tình trạng một bộ phận nam giới ở các nước này khó có khả năng lấy được vợ trong nước. Vì vậy, họ chuyển hướng đến các quốc gia kém phát triển hơn. Có thể thấy, do nhu cầu của xã hội, của mỗi người ở các nước khác nhau, để thỏa mãn những nhu cầu trên, họ đã lấy hôn nhân làm phương tiện để đạt được mục tiêu của mình. Điều này đã dẫn đến những biểu hiện tiêu cực của tình trạng kết hôn có yếu tố nước ngoài. Những cuộc hôn nhân đó vẫn là sự tự nguyện của mỗi bên, nhưng không phải trên cơ sở tình yêu và không hướng tới một cuộc sống gia đình hạnh phúc đúng nghĩa. Do đó, việc lành mạnh hóa quan hệ hôn nhân của phụ nữ Việt Nam với người chồng nước ngoài đang là yêu cầu cấp thiết, là cơ sở cho sự phát triển lành mạnh của xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế những nhu cầu ở một bộ phận người dân như đã phân tích ở trên vẫn đang tồn tại và nó đang làm méo mó ý nghĩa thật sự của hôn nhân.

3. Một số định hướng để giải quyết những vấn đề đặt ra trong những cuộc hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài

Một là, để bảo đảm lành mạnh hóa quan hệ hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long với người nước ngoài phải xóa bỏ những nhân tố đang tác động khiến phụ nữ Việt Nam coi hôn nhân là phương tiện để đạt được mục đích, chủ yếu là mong muốn làm giàu, đổi đời. Cần nâng cao đời sống vật chất cho người dân ở nông thôn, đặc biệt là các cô gái đang ở độ tuổi trưởng thành. Cần có những cơ chế, những quy định về mặt pháp lý để ngăn chặn hôn nhân giả tạo, hôn nhân không trên cơ sở tình yêu mà vì những lý do khác.

Hai là, cần có chính sách hỗ trợ, giúp đỡ nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực của những phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài. Trước hết, chính quyền địa phương, đặc biệt là hội phụ nữ các cấp cần mở các lớp dạy ngôn ngữ, văn hóa, phong

tục tập quán, luật pháp của một số nước có nhiều phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn, như Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ... Đồng thời, cần tuyên truyền giúp cho những phụ nữ có ý định kết hôn với người nước ngoài hiểu rõ những khó khăn, thách thức sẽ phải đối mặt, để họ có sự chuẩn bị, thích ứng nhanh với cuộc sống mới.

Ba là, các cơ quan ngoại giao Việt Nam cần có những cơ chế đàm phán thúc đẩy các quốc gia có nhiều phụ nữ Việt Nam kết hôn với công dân nước họ có những chính sách, hỗ trợ cụ thể đối với các gia đình đa văn hóa trong thực hiện các chức năng của mình. Đồng thời, các cơ quan ngoại giao Việt Nam cũng chủ động tích cực, phối hợp với các cơ quan nước ngoài cùng hỗ trợ những gia đình đa văn hóa này thực hiện tốt các chức năng của gia đình, như chức năng kinh tế, giáo dục, nuôi dưỡng, đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý...

Việc phụ nữ Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài hiện nay đang đặt ra những vấn đề, mâu thuẫn cần quan tâm giải quyết để bảo đảm những cuộc hôn nhân đó thực sự vì tình yêu và có khả năng bảo đảm hạnh phúc, bền vững. Để thực hiện những mục tiêu đó, các cấp chính quyền phải nỗ lực hành động hơn nữa. Chỉ có như vậy mới bảo đảm sự ổn định và phát triển của xã hội, bởi gia đình hạnh phúc, bền vững thì xã hội mới phát triển. □

(1) và (2) Phương Anh, *Mỗi năm Việt Nam có khoảng 18.000 công dân kết hôn với người nước ngoài*, <https://baodansinh.vn>, truy cập ngày 06/3/2020

(3) Hồng Minh, *Trung bình 10 cô dâu Việt ở Hàn Quốc có 3 người ly hôn*, <https://phapluatplus.vn>, truy cập ngày 09/3/2020